

TÒA ÁN NHÂN DÂN CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
HUYỆN ĐÔNG ANH Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
THÀNH PHỐ HÀ NỘI

Số: 458/2024/QĐST - VDS

Đông Anh, ngày 12 tháng 9 năm 2024

QUYẾT ĐỊNH
SƠ THẨM GIẢI QUYẾT VIỆC DÂN SỰ
V/v: “Yêu cầu xác định cha cho con”.

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐÔNG ANH – THÀNH PHỐ HÀ NỘI

Thành phần giải quyết việc dân sự gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên họp: Ông Lê Quang Chiều

Thư ký phiên họp: Bà Nguyễn Hải Yến - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Đông Anh, Thành phố Hà Nội

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đông Anh, thành phố Hà Nội tham gia phiên họp: Bà Đỗ Thị Kim Thanh - Kiểm sát viên.

Ngày 12 tháng 9 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đông Anh, Thành phố Hà Nội tiến hành mở phiên họp sơ thẩm công khai để giải quyết việc dân sự thụ lý số 401/2024/TLST-VHNGĐ, ngày 20/8/2024 về việc “Yêu cầu xác định cha cho con”. Theo Quyết định mở phiên họp số 17/QĐMPH-ST, ngày 05/9/2024, gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

1. Người yêu cầu: Chị N.T.H, sinh năm 1986; nơi cư trú: Đội 1, thôn Nhuế, xã K.C, huyện Đông Anh, Thành phố Hà Nội; căn cước công dân số 038186010618 cấp ngày 17/8/2022 tại Cục Cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội. *Có mặt.*

2. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Anh Đ.V.B, sinh năm 1985; nơi cư trú: Đội 1, thôn Nhuế, xã K.C, huyện Đông Anh, Thành phố Hà Nội; căn cước công dân số 001085051219 cấp ngày 10/7/2021 tại Cục Cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội. *Có mặt.*

NỘI DUNG VIỆC DÂN SỰ:

Theo đơn yêu cầu và các lời khai tại Tòa án, người yêu cầu chị N.T.H trình bày:

Chị và anh Đ.V.B hiện nay có quan hệ vợ chồng, đăng ký kết hôn ngày 08/10/2021 tại Ủy ban nhân dân xã K.C, huyện Đông Anh, Thành phố Hà Nội. Đây là lần kết hôn thứ hai của chị. Trước đó chị đã kết hôn với anh Nguyễn Ngọc Sơn, sinh năm 1981, nơi cư trú: thôn 6, xã Quảng Cát, thành phố Thanh Hóa, tỉnh Thanh Hóa. Nhưng, ngày 09/02/2021 chị và anh Sơn ly hôn theo Quyết định số 143/2021/QĐST-HNGĐ của Tòa án nhân dân thành phố Thanh Hóa, tỉnh Thanh Hóa.

Từ khi kết hôn với anh Bắc, anh chị sống hòa thuận hạnh phúc và có 02 con chung là cháu Đỗ Nguyễn Thu P, sinh ngày 06/7/2021 (theo Giấy chứng sinh số 0017970, quyển số 0180, khoa A4 ngày 06/7/2021 của Bệnh viện phụ sản Hà Nội) và cháu Đỗ Hà My, sinh ngày 14/02/2024. Song, do cháu P được sinh ra trong thời hạn 300 kể từ khi chị chấm dứt hôn nhân với anh Sơn, nên khai sinh cho cháu P thì cơ quan có thẩm quyền yêu cầu khai tên bố là anh Nguyễn Ngọc Sơn. Vì vậy, chị yêu cầu Tòa án giải quyết xác định anh Đ.V.B là cha (bố) của cháu P. Chị đề nghị Tòa án cho giám định huyết thống (AND) để xác định anh Bắc là cha của cháu P.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan anh Đ.V.B trình bày: Anh và chị N.T.H kết hôn ngày 08/10/2021 tại Ủy ban nhân dân xã K.C, huyện Đông Anh, Thành phố Hà Nội. Từ khi kết hôn, anh với chị Bắc sống hòa thuận hạnh phúc và có 02 con chung là cháu Đỗ Nguyễn Thu P, sinh ngày 06/7/2021 (theo Giấy chứng sinh số 0017970, quyển số 0180, khoa A4 ngày 06/7/2021 của Bệnh viện phụ sản Hà Nội) và cháu Đỗ Hà. M 14/02/2024. Đến nay cháu P chưa có giấy khai sinh vì được sinh ra trong thời hạn 300 kể từ khi chị Hằng chấm dứt hôn nhân với anh Sơn. Nay, chị Hằng yêu cầu Tòa án giải quyết xác định anh là cha (bố) của cháu P. Anh đồng ý và đề nghị Tòa án tiến hành giám định huyết thống (AND) để xác định anh là cha của cháu P.

Tại phiên họp:

Chị N.T.H và anh Đ.V.B tiếp tục đề nghị Tòa án xác định anh Đ.V.B là cha (bố) của cháu Đỗ Nguyễn Thu P.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đông Anh phát biểu ý kiến:

- Về thủ tục tố tụng: Tòa án nhân dân huyện Đông Anh, Thành phố Hà Nội thụ lý việc dân sự là đúng thẩm quyền. Quá trình giải quyết, Tòa án đã thực hiện đúng, đủ các thủ tục tố tụng. Tại phiên họp, Tòa án đã tiến hành đúng trình tự, đã làm rõ các căn cứ để giải quyết vụ việc dân sự.

- Về nội dung vụ việc: Quá trình giải quyết, cả chị Hằng và anh Bắc cùng yêu cầu Tòa án tiến hành giám định ADN để xác định cha của cháu P. Ngày 28/8/2024, Tòa án đã ra Quyết định trưng cầu giám định số 07/2024/QĐ-TCGD. Tại Kết luận giám định ADN sốT08/24DNA ngày .../...../2024 của Công ty TNHH đầu tư và công nghệ GENPLUS, kết luận “Đ.V.B có quan hệ huyết thống bố - con với Đỗ Nguyễn Thu P, độ tin cậy > 99,9999%”. Do đó, chị Hằng yêu cầu Tòa án xác định anh Bắc là cha (bố) của cháu P là có căn cứ pháp luật và phù hợp với các tài liệu chứng cứ do đương sự cung cấp.

Sau khi phân tích, đánh giá các tài liệu chứng cứ của vụ việc, Kiểm sát viên đề nghị Tòa án áp dụng: Điều 29, 370, 371, và 372 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Điều 89; khoản 2 Điều 101; khoản 2 Điều 102 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014, cần chấp nhận yêu cầu của chị N.T.H về việc xác định cháu (tên dự định đặt) Đỗ Nguyễn Thu P, sinh ngày 06/7/2021 theo Giấy chứng sinh số 0017970, quyển số 0180, khoa A4 ngày 06/7/2021 của Bệnh viện phụ sản Hà Nội là con đẻ của anh Đ.V.B.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ việc và đã được xem xét tại phiên họp, Tòa án nhận định:

[1] Về tố tụng: Người yêu cầu; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan và cháu Đỗ Nguyễn Thu P cùng cư trú tại: Đội 1, thôn Nhuế, xã K.C, huyện Đông Anh, Thành phố Hà Nội. Theo quy định tại: khoản 10 Điều 29; điểm b khoản 2

Điều 35; điểm a khoản 2 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự 2015, vụ việc thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Đông Anh, Thành phố Hà Nội.

[2] Xét nội dung yêu cầu: Qua nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ việc; lời khai của người yêu cầu; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, Tòa án xét thấy: chị Nguyễn Thị Bắc yêu cầu xác định anh Đ.V.B là cha (bố) của cháu Đỗ Nguyễn Thu P là có căn cứ, phù hợp với Điều 89; khoản 2 Điều 101; khoản 2 Điều 102 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014. Hơn nữa, cháu Đỗ Nguyễn Thu P đến nay đã hơn 03 tuổi mà chưa có Giấy khai sinh. Để bảo đảm quyền lợi chính đáng của cháu Đỗ Nguyễn Thu P,. Tòa án xét cần chấp nhận yêu cầu của chị N.T.H.

[3] Về lệ phí Tòa án: Căn cứ điểm b khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội. Tòa án nhận định các đương sự được miễn nộp tiền lệ phí.

[4] Về quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo Quyết định theo quy định tại Điều 371, Điều 272 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 89; khoản 2 Điều 101; khoản 2 Điều 102 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

Căn cứ khoản 10 Điều 29; điểm b khoản 2 Điều 35; điểm a khoản 2 Điều 39; 370, 371, và 372 Bộ luật tố tụng dân sự 2015;

Căn cứ điểm b khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Xử:

1. Chấp nhận yêu cầu của chị Nguyễn Thị Bắc về việc yêu cầu Tòa án xác định cha cho con. Tuyên bố anh Đ.V.B là cha (bố) của cháu Đỗ Nguyễn Thu P, sinh ngày 06/7/2021 theo Giấy chứng sinh số 0017970, quyển số 0180, khoa A4 ngày 06/7/2021 của Bệnh viện phụ sản Hà Nội. Anh Đ.V.B và chị N.T.H có trách

nhiệm đến cơ quan đăng ký hộ tịch có thẩm quyền để khai sinh cho cháu Đỗ Nguyễn Thu P hoặc ghi chú theo quy định của pháp luật về hộ tịch.

2. Về lệ phí sơ thẩm giải quyết việc dân sự: Chị N.T.H được miễn toàn bộ lệ phí.

4. Quyền kháng cáo, kháng nghị: Người yêu cầu và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo quyết định này trong hạn 10 (mười) ngày, kể từ ngày Tòa án ra quyết định. Viện kiểm sát có quyền kháng nghị quyết định này theo thủ tục phúc thẩm theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

5. Quyền yêu cầu thi hành án, nghĩa vụ thi hành án, thời hiệu yêu cầu thi hành án: Theo quy định của Luật Thi hành án dân sự đối với quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 482 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

“Trường hợp Bản án/quyết định được thi hành án theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự”.

Nơi nhận:

- *Đương sự;*
- *Viện kiểm sát nhân dân huyện Đông Anh;*
- *Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đông Anh;*
- *UBND xã K.C, huyện Đông Anh (để làm thủ tục đăng ký hộ tịch);*
- *Lưu hồ sơ vụ án./*

THẨM PHÁN

Lê Quang Chiêu

Mẫu số 22-VDS (Ban hành kèm theo Nghị quyết số 04/2018/NQ-HĐTP ngày 09 tháng 8 năm 2018 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao)

TÒA ÁN NHÂN DÂN.....⁽¹⁾

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số:/...../QĐST-.....⁽²⁾

....., ngày tháng năm

QUYẾT ĐỊNH

SƠ THẨM GIẢI QUYẾT VIỆC DÂN SỰ

V/v⁽³⁾.....

TÒA ÁN NHÂN DÂN

Thành phần giải quyết việc dân sự gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên họp: Ông (Bà)

Các Thẩm phán: ⁽⁴⁾ Ông (Bà)

Ông (Bà)

Thư ký phiên họp: Ông (Bà)⁽⁵⁾

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân **tham gia phiên họp:**
Ông (Bà)..... - Kiểm sát viên.

Ngày..... tháng..... năm....., tại⁽⁶⁾mở phiên họp sơ thẩm công khai giải quyết việc dân sự thụ lý số .../.../TLST-... ngày... tháng ... năm..... về việc⁽⁷⁾theo Quyết định mở phiên họp sơ thẩm giải quyết việc dân sự số//QĐST-..... ngày... tháng... năm....., gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

- Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:⁽⁸⁾

Người đại diện hợp pháp của người yêu cầu giải quyết việc dân sự:⁽⁹⁾.....

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người yêu cầu giải quyết việc dân sự: ⁽¹⁰⁾.....

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:⁽¹¹⁾.....

Người đại diện hợp pháp của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:⁽¹²⁾.....

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:⁽¹³⁾

- Người làm chứng (nếu có):⁽¹⁴⁾.....

- Người phiên dịch (nếu có):⁽¹⁵⁾.....

- Người giám định (nếu có):⁽¹⁶⁾.....

NỘI DUNG VIỆC DÂN SỰ:⁽¹⁷⁾

.....
.....
.....
.....

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ việc dân sự được thẩm tra tại phiên họp; ý kiến của các đương sự và đại diện Viện kiểm sát tại phiên họp, Tòa án nhân dânnhận định:⁽¹⁸⁾

- [1]
- [2].....
- [3].....

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ⁽¹⁹⁾.....
- ⁽²⁰⁾.....
- Lệ phí sơ thẩm giải quyết việc dân sự⁽²¹⁾.....
- Quyền kháng cáo, kháng nghị⁽²²⁾.....
- Quyền yêu cầu thi hành án, nghĩa vụ thi hành án, thời hiệu yêu cầu thi hành án⁽²³⁾

Nơi nhận:

- Ghi theo quy định tại khoản 2 và khoản 3 Điều 370 Bộ luật Tố tụng dân sự;
- Lưu: Hồ sơ việc dân sự.

**TM. HỘI ĐỒNG GIẢI QUYẾT VIỆC DÂN SỰ
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN HỌP** ⁽²⁴⁾
(Ký tên, ghi rõ họ tên, đóng dấu)

Hướng dẫn sử dụng mẫu số 22-VDS:

- (1) Ghi tên Tòa án ra quyết định; nếu là Tòa án nhân dân huyện, quận, thị xã, thành phố thuộc tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương thì ghi rõ tên Tòa án nhân dân huyện, quận, thị xã, thành phố thuộc tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương nào (ví dụ: Tòa án nhân dân huyện Thường Tín, thành phố Hà Nội); nếu là Tòa án nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương thì ghi Tòa án nhân dân tỉnh (thành phố) đó (ví dụ: Tòa án nhân dân tỉnh Hà Nam).
- (2) Ô thứ nhất ghi số, ô thứ hai ghi năm, ô thứ ba ghi ký hiệu loại quyết định (ví dụ: “Số: 20/2018/QĐST-KDTM”).
- (3) Ghi loại việc dân sự mà Tòa án thụ lý giải quyết.
- (4) Nếu việc dân sự do một Thẩm phán giải quyết thì không cần ghi nội dung này.
- (5) Ghi họ tên, chức danh của Thư ký phiên họp.
- (6) Ghi địa điểm diễn ra phiên họp (ví dụ: trụ sở Tòa án nhân dân huyện Ý Yên, tỉnh Nam Định).
- (7) Ghi số, ký hiệu, ngày tháng năm thụ lý việc dân sự và loại việc dân sự mà Tòa án thụ lý giải quyết.

(8) Nếu người yêu cầu là cá nhân thì ghi rõ họ tên, địa chỉ nơi cư trú, nơi làm việc (nếu có) của người đó; nếu là người chưa thành niên thì sau họ tên cần ghi thêm ngày, tháng, năm sinh của người đó; nếu là cơ quan, tổ chức thì ghi tên cơ quan, tổ chức và địa chỉ trụ sở của cơ quan, tổ chức đó.

(9) Chỉ ghi khi có người đại diện hợp pháp của người yêu cầu và ghi họ tên, địa chỉ nơi cư trú, nơi làm việc (nếu có) của người đó; ghi rõ là người đại diện theo pháp luật hay người đại diện theo ủy quyền của người yêu cầu; nếu là người đại diện theo pháp luật thì ghi chú trong ngoặc đơn quan hệ giữa người đó với người yêu cầu; nếu là người đại diện theo ủy quyền thì ghi chú trong ngoặc đơn “văn bản ủy quyền ngày ... tháng ... năm”

Ví dụ 1: Ông Nguyễn Văn A, trú tại..... là người đại diện theo pháp luật của người yêu cầu (Tổng Giám đốc Công ty cổ phần xây dựng Tân Phước Thịnh).

Ví dụ 2: Bà Lê Thị B, trú tạilà người đại diện theo ủy quyền của người yêu cầu (Văn bản ủy quyền ngày..... tháng..... năm.....).

(10) Chỉ ghi khi có người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người yêu cầu và ghi họ tên, địa chỉ nơi cư trú, nơi làm việc (nếu có) của người đó (nếu là Luật sư thì ghi là Luật sư của Văn phòng luật sư nào và thuộc Đoàn luật sư nào); nếu có nhiều người yêu cầu thì ghi cụ thể bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho người yêu cầu nào.

(11) Ghi tương tự như hướng dẫn tại điểm (8).

(12) Ghi tương tự như hướng dẫn tại điểm (9).

(13) Ghi tương tự như hướng dẫn tại điểm (10).

(14) Ghi họ tên và địa chỉ nơi cư trú, nơi làm việc (nếu có) của người làm chứng.

(15) Ghi họ tên và địa chỉ nơi làm việc của người phiên dịch; nếu không có nơi làm việc thì ghi địa chỉ nơi cư trú.

(16) Ghi họ tên và địa chỉ nơi làm việc của người giám định; nếu không có nơi làm việc thì ghi địa chỉ nơi cư trú.

(17) Ghi rõ những nội dung mà người yêu cầu yêu cầu Tòa án giải quyết.

(18) Ghi nhận định của Tòa án và những căn cứ để chấp nhận hoặc không chấp nhận yêu cầu. Trong phần này, các đoạn văn được đánh số thứ tự trong dấu [].

(19) Ghi rõ điểm, khoản, điều luật tương ứng của Bộ luật Tố tụng dân sự và pháp luật liên quan để ra quyết định.

(20) Ghi các quyết định của Tòa án về giải quyết việc dân sự.

(21) Ghi rõ những người phải nộp lệ phí sơ thẩm giải quyết việc dân sự và mức lệ phí mỗi người phải nộp; nếu thuộc trường hợp không phải nộp (hoặc được miễn, giảm) lệ phí sơ thẩm giải quyết việc dân sự thì ghi rõ là không phải nộp (hoặc được miễn, giảm) lệ phí sơ thẩm giải quyết việc dân sự.

(22) Ghi quyết định của Tòa án về quyền kháng cáo, kháng nghị của đương sự và Viện kiểm sát.

(23) Chỉ ghi quyền yêu cầu thi hành án, nghĩa vụ thi hành án, thời hiệu yêu cầu thi hành án theo quy định của Luật Thi hành án dân sự đối với những quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 482 Bộ luật Tố tụng dân sự.

(24) Trường hợp việc dân sự do một Thẩm phán giải quyết thì ghi:

“THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN HỢP
(Ký tên, ghi rõ họ tên, đóng dấu)”